

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **158/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 25-12-2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bé Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hùng Bích;
2. Ông Đỗ Trọng Ngoan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:**  
Không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 547/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm BK5, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: đường G, phường T, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm BK5, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:*

Bà và ông Nguyễn Văn A do mai mối sau thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BK vào ngày 18/8/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, ông A không quan tâm đến gia đình và còn bạo hành thường xuyên. Hai bên đã hàn gắn lại nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông A ly thân hơn một năm nay. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ly hôn với ông Nguyễn Văn A;

Về con chung: Cả hai có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/8/1995 và Nguyễn Thị Hữu N, sinh ngày 08/8/1998. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn A không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn A. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn A.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H và ông A tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BK vào ngày 18/8/2004. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H và ông A đã ly thân hơn một năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, ông A không quan tâm đến gia đình và còn bạo hành thường xuyên. Hiện tại do tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông A. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn

nhân giữa bà H và ông A; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Hiện tại, bà H xác định không còn tình cảm với ông A. Quá trình giải quyết vụ án, ông A không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, cũng không có tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân giữa ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông A.

[3.2] Về con chung: Bà H trình bày bà và ông A có có hai con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/8/1995 và Nguyễn Thị Hữu N, sinh ngày 08/8/1998. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà H trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông A phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Nguyễn Văn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 190/KH.2004, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang cấp cho ông ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc H, ngày 18/08/2004 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về quan hệ con chung: Bà H và ông A có 02 (Hai) con chung Nguyễn Văn

H, sinh ngày 25/8/1995 và Nguyễn Thị Hữu N, sinh ngày 08/8/1998 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005509 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Bà H đã nộp đủ.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Bé Thu**